

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hồng Châu

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 30/TB – TA ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà LTO, sinh năm 1989; thường trú: Xóm 11, xã NS, huyện TC, tỉnh NA; tạm trú: 49/4 khu phố BQA, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt.

- Bị đơn: Ông LĐN, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 11, xã NS, huyện TC, tỉnh NA; tạm trú: 34/15 khu phố BQA, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà LTO trình bày:

Bà LTO và ông LĐN tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Bình, huyện hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông N bạo lực gia đình, bà O và ông N sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà

LTO xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với ông LĐN

Về con chung: Có 02 con chung tên LDB, sinh ngày 15/6/2011 và LTA sinh ngày 29/5/2013. Theo đơn khởi kiện bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung LDB, sinh ngày 15/6/2011, đồng ý giao con chung LTA, sinh ngày 29/5/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà O yêu cầu được nuôi 02 con chung LDB, sinh ngày 15/6/2011 và LTA, sinh ngày 29/5/2013, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông LĐN không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa ông N thống nhất lời trình bày của bà O về việc kết hôn, quá trình chung sống và thời gian ly thân, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng như bà O trình bày. Trước yêu cầu khởi kiện của bà O về việc xin ly hôn thì ông không đồng ý, đề nghị được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà O đã cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên LDB, sinh ngày 15/6/2011 và LTA, sinh ngày 29/5/2013. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nuôi 02 con chung LDB, sinh ngày 15/6/2011 và LTA, sinh ngày 29/5/2013, không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà O. Về con chung: Đề nghị giao con chung LTA, sinh ngày 29/5/2013 cho bà LTO trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung LDB, sinh ngày 15/6/2011 cho ông LĐN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cả ông N và bà O không yêu cầu cấp dưỡng nên vấn đề cấp dưỡng không xem xét. Về tài sản chung; nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông LĐN có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 34/15 khu phố Bình Quới A, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà LTO và ông LĐN có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Bình, huyện hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25/4/2010, do đó quan hệ hôn nhân của bà O và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Bà LTO khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông LĐN với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, bà O và ông N sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa ông N xác định mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng như bà O trình bày tuy nhiên, tại phiên tòa bà O đã cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn do đó Hội đồng xét xử cộng nhận sự thuận tình ly hôn này.

Về con chung: Bà O và ông N có 02 con chung tên LĐB, sinh ngày 15/6/2011 và LTA, sinh ngày 29/5/2013. Bà LTO yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Ông N không có văn bản trình bày ý kiến. Quá trình tố tụng, Tòa án lấy lời khai cháu LĐB và cháu LTA, các cháu đều xác định có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Tại phiên tòa cả bà O và ông N đều yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của 02 con chung đều mong muốn được sống với bà O, ông N hiện đang là người trực tiếp nuôi 02 con chung, cháu LTA là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc giáo dục của người mẹ hơn cha, phù hợp với độ tuổi phát triển tâm sinh lý của cháu A do đó Hội đồng xét xử sẽ giao con chung LTA, sinh ngày 29/5/2013 cho bà LTO trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; giao con chung LĐB, sinh ngày 15/6/2011 cho LĐN trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, cả bà O và ông N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà LTO về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông LĐN

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà LTO với bị đơn ông LĐN.

- Về con chung: Giao con chung LTA, sinh ngày 29/5/2013 cho bà LTO trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung LDB, sinh ngày 15/6/2011 cho ông LĐN trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà LTO phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0053865 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm